

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-PT  
Ngày 31 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN D  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Ông Bùi Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Quách Văn C, sinh năm 1961 (vắng mặt)

2. Anh Quách Văn V, sinh năm 1989 (vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995 (vắng mặt)

4. Bà Lê Thị H (vắng mặt)

5. Bà Lê Thị B, sinh năm 1968 (vắng mặt)

6. Bà Lê Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

7. Ông Lê Văn S, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

8. Chị Lê Cẩm X (Lê Kim X), sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

9. Anh Lê Minh Tân, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H tỉnh Bạc Liêu.

10. Chị Lê Cẩm X (Lê Kim X), sinh năm 1989 (vắng mặt)

11. Chị Lê Cẩm N (Lê Kim N), sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2 A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ủy ban nhân dân huyện Đ

Người đại diện: Ông Tô Minh Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2017 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha bà là ông Lê Văn Q, được ông A tặng cho vào năm nào bà không biết, bà không rõ cụ thể diện tích bao nhiêu, bà xác định diện tích khoảng ngang 21m, dài từ giáp kênh đến đất của ông D1. Bà không lập gia đình nên sống cùng với ông Q. Sau khi ông Q chết thì bà là người thờ cúng nên mặc nhiên được thừa hưởng phần đất này. Năm 2008, bà Lê Thị H qua nhà bà hỏi mượn phần đất để làm đường mương xỏ nước. Khi bà H mượn thì có nói chỉ mượn tạm, sau này nhận chuyển nhượng đất của ông Lạt làm đường mương xỏ thì sẽ trả lại phần đất cho bà. Vào năm 2010, bà H bắt đầu đào đường mương có chiều ngang 05m, chiều dài từ vuông tôm của bà H đến giáp kênh. Do đường mương xỏ nước của bà H nằm sát vách nhà bà, làm sạt lở, bà tấn xi măng thì con của bà H ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xác định phần đất tranh chấp này trước đây không phải là 02 cái ao. Đối với 02 cái ao trước đây bà đã đắp và cất nhà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H giao trả phần đất có diện tích 52,5m<sup>2</sup> tại thửa số 262 và 266, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Quách Văn C đứng tên. Đồng thời, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quách Văn C đối với diện tích nêu trên.

*Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:* Nguồn gốc phần đất ban đầu là của ông Nguyễn Văn Vinh chuyển nhượng cho ông Lý Văn D, diện tích không đủ một công tằm cây. Năm 1992, ông D1 chuyển nhượng lại cho bà, lúc đó phần đất này là đất ruộng. Sau khi nhận chuyển nhượng đến năm 2003 thì bà mới đào đường mương xỏ ngang 1,5m để lấy nước nuôi tôm thì bà D cũng không ngăn cản hay phản đối gì. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì vợ chồng bà quản lý sử dụng đất cho chồng bà là ông Quách Văn C. Năm 2016, bà D cất nhà lấn sang đường mương xỏ nước của bà nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định phần đất tranh chấp không phải là ao trước đây, phần đất ao địa trước đây bà D đã đắp và cất nhà. Nay bà xác định tổng diện tích phần đất tranh chấp là 52,5m<sup>2</sup> thì có phần đất diện tích ngang 1,5m (cạnh giáp kênh thủy lợi), dài 14m, diện tích 21,1m<sup>2</sup> là phần đất của ông Lê Văn Q, còn phần đất còn lại là của vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý giao trả theo yêu cầu của bà Lê Thị D.

Ông Quách Văn C, chị Nguyễn Thị M, anh Quách Văn V thống nhất theo lời trình bày của bà Lê Thị H, không có bổ sung gì thêm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2019 ông Lê Văn S trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ruột ông tên Lê Văn Q canh tác sử dụng đến khi ông Q chết thì để lại cho chị ruột là Lê Thị D do bà D sống cùng với ông Q, chăm sóc ông Q khi đau ốm. Khi cha ông còn sống thì có cho đất bà D hay không thì ông không biết và ông Q chết không để lại di chúc. Nay ông được toàn quyền quản lý, sử dụng, phần đất này không phải của bà H và ông cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/01/2018 bà Lê Thị B trình bày: Phần đất tranh chấp gắn liền với phần đất nhà có nguồn gốc từ của cha ruột ông Lê Văn Q, bà D được thừa hưởng phần đất này từ ông Q, do bà D sống cùng với ông Q và khi ông Q chết thì bà D là người thờ cúng. Khi ông Q chết thì không để lại di chúc. Nay bà không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/01/2018 bà Lê Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị B. Bà xác định phần đất này bà Lê Thị D được thừa hưởng từ ông Lê Văn Q.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2020 chị Lê Cẩm X trình bày: Chị là con ruột của ông Lê Văn H, ông H đã chết cách đây 10 năm. Nay chị là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, chị không có ý kiến yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị D và bà Lê Thị H.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2020 anh Lê Minh Tân trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Cẩm X, không có ý kiến gì khác.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 95, điểm b

khoản 2 Điều 203 Luật đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bà Lê Thị H, yêu cầu giao trả phần đất diện tích 52,5m<sup>2</sup> tại thửa 262 và 266 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Quách Văn C, bà Lê Thị D cạnh dài 1,5m;

- Cạnh hướng Tây giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,5m;

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn V, cạnh dài 35m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Thị D, cạnh dài 35m.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị D đối với bà Lê Thị H, ông Quách Văn C đối với phần đất diện tích 52,5m<sup>2</sup> tại thửa số 262 và 266 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, yêu cầu bà Lê Thị H giao trả phần đất diện tích 3m<sup>2</sup>.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn bà Lê Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị D nộp trong thời hạn luật định, và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều

273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Bà Lê Thị D yêu cầu bà Lê Thị H trả lại phần đất có diện tích 52,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 262 và 266, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Quách Văn C, bà Lê Thị D cạnh dài 1,5m;
- Cạnh hướng Tây giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,5m;
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn Vinh, cạnh dài 35m;
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Thị D, cạnh dài 35m.

Nguyên đơn bà D xác định diện tích phần đất tranh chấp bà khởi kiện đòi bà H trả là đất của cha bà là ông Lê Văn Q, do bà là con sống chung trong gia đình đến khi cha chết nên đất này là của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cũng xác định khi còn sống ông Q chưa cho bà phần đất này. Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp không phải của bà D vì vậy Tòa cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Xét yêu cầu của bà D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quách Văn C, xét thấy toàn bộ phần đất tranh chấp 52,5m<sup>2</sup> cơ quan chuyên môn xác định nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Chiến. Theo sự thừa nhận của ông Chiến và bà H thì có 21,1m<sup>2</sup> là đất của ông Q, đây là sự thừa nhận của các đương sự. Tuy nhiên, do yêu cầu khởi kiện của bà D đòi đất bà H không có căn cứ nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Sự thừa nhận của các đương sự về việc 21,1m<sup>2</sup> là đất của ông Q và khi ông Q còn sống chưa cho ai, chết không để lại di chúc. Vì vậy, nếu các con ông Q có yêu cầu chia tài sản thì sẽ được được xem xét ở vụ án khác. Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét hủy phần diện tích đất theo sự thừa nhận đương sự diện tích 21,1m<sup>2</sup> là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận việc kháng cáo của bà D và cũng không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D; không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Lê Thị D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi quy định “người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà Lê Thị D.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bà Lê Thị H, đòi quyền sử dụng diện tích 52,5m<sup>2</sup> tại thửa 262 và 266 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Quách Văn C, bà Lê Thị D cạnh dài 1,5m;

- Cạnh hướng Tây giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,5m;

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn Vinh, cạnh dài 35m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Thị D, cạnh dài 35m.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị D đối với bà Lê Thị H, ông Quách Văn C đối với phần đất diện tích 52,5m<sup>2</sup> tại thửa số 262 và 266 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, yêu cầu bà Lê Thị H giao trả phần đất diện tích 3m<sup>2</sup>.

4. Về chi phí tố tụng: 1.420.000 đồng bà Lê Thị D phải chịu. Bà Lê Thị D đã nộp tạm ứng số tiền 1.420.000 đồng đã chi hết.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D được miễn nộp. Bà Lê Thị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006575 ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị D được miễn nộp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Lệ Kiều**